CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP3, phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 385 9358

Website: www.bbcc.com.vn

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Ký ngày: 16-8-2021 09:35:03

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

MỤC LỤC

Thông tin chung 1

Tình hình hoạt động trong năm 2

Báo cáo của Ban Giám đốc 3

4 Báo cáo của Hội đồng quản trị

5 Quản trị Công ty

6 Báo cáo tài chính kiểm toán 2020

PHẦN 01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA	**Điện thoại**	(0251) 3859358
Tên Tiếng Anh	BIEN HOA BUILDING MATERIALS PRODUCTION AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMAPNY	**Fax**	(0251) 3859917
Tên viết tắt	BBCC	**Email**	congtybbcc@gmail.com
Mã cổ phiếu	VLB	**Website**	www.bbcc.com.vn
Vốn điều lệ	470.000.000.000 đồng	**Giấy chứng nhận ĐKDN**	Số 3600275107, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 7/7/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
Trụ sở chính	K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP 3, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai		

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1983

Ngày 03/12/1983, Xí nghiệp khai thác đất Biên Hòa được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ.UB của UBND Thành phố Biên Hòa.

1988

Ngày 01/04/1988, Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 xí nghiệp: Xí nghiệp khai thác đất Biên Hòa, Xí nghiệp khai thác đá Tân Thành và Xí nghiệp khai thác cát thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 397/QĐ-UBTP ngày 10/3/1988 của UBND thành phố Biên Hòa.

1991

Ngày 12/03/1991, sáp nhập Xí nghiệp quốc doanh gạch ngói vào Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 282/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1992

Ngày 19/12/1992, thành lập doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai theo quyết định số 2304/QĐ-UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

1996

Ngày 12/11/1996, Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa đổi tên thành Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 5425/QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 26/12/1996, thành lập các Xí nghiệp trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 412/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1997

Ngày 13/09/1997, thành lập Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 505/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hoà.

1998

Ngày 29/06/1998, thành lập Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 242/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

2003

Ngày 01/10/2003, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác - Chế biến Tân Bản vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3480/QĐ.CT.UBT ngày 26/09/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai.

2004

Ngày 01/10/2004, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác đá Thiện Tân vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3386/QĐ.CT.UBT ngày 27/07/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai.

2005

- Ngày 05/05/2005, Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 1724/QĐ.CT.UBT của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.
- Ngày 07/07/2005, UBND tỉnh Đồng Nai chuyển giao quyền sở hữu vốn Nhà nước của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND.

2006

Ngày 29/06/2006, sáp nhập Công ty TNHH MTV Khai thác đá Đồng Nai thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 138/QĐ-HĐQT của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

2015

Ngày 01/11/2015, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.

2016

- Ngày 19/02/2016, Công ty được UBCKNN công nhận đủ điều kiện là Công ty đại chúng.
- Ngày 17/06/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 59/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 45.000.000 cổ phiếu.
- Ngày 22/09/2016, Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán là VLB.

2018

Ngày 06/04/2018, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 01 số 59/2016/GCNCPVSD-1 với số lượng chứng khoán bổ sung: 2.000.000 cổ phiếu, tổng số lượng chứng khoán đăng ký lên 47.000.000 cổ phiếu.

2019

Ngày 29/01/2019, Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai đã chào bán thành công 8.647.000 cổ phiếu VLB (tương ứng 18,398% vốn điều lệ) thông qua phương thức giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giảm tỷ lệ nắm giữ xuống còn 49% vốn điều lệ VLB.

2020

Trong năm 2020, Công ty đăng ký điều chỉnh và bổ sung ngành nghề kinh doanh để hoàn thiện hồ sơ cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng 2.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

1988 - 2000

- Huân chương Lao động Hạng Ba năm 1988
- Huân chương Lao động Hạng Nhì năm 1991
- Huân chương Lao động Hạng Nhất năm 1996
- Giải Bạc "Giải thưởng Chất lượng Việt Nam" năm 1997 và năm 1998 do Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường trao tặng
- Giải Vàng "Giải thưởng Chất lượng Việt Nam" năm 1999 do Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường trao tặng
- Danh hiệu Anh Hùng Lao Động do Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam phong tặng theo Quyết định số 287/KT/CTN, ngày 14/07/2000
- Cờ thi đua của Chính Phủ trao tặng năm 2000

2001 - nay

- Cờ thi đua của Chính Phủ trao tặng năm 2002, 2003, 2004
- Danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" tỉnh Đồng Nai năm 2006, 2010
- Huân chương Độc lập Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng theo Quyết định số 165 QĐ/CTN, ngày 13/2/2012
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng năm 2015, 2016, 2017, 2018
- Danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" tỉnh Đồng Nai năm 2016, 2019
- Giấy khen đã có thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2019 do Cục thuế tỉnh Đồng Nai khen tặng theo Quyết định số 448/QĐ-CT ngày 11/05/2020
- UBND tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen điển hình tiên tiến đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm giai đoạn 2015 – 2019 theo Quyết định số 3861/QĐ-UBND ngày 21/10/2020

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của BBCC chủ yếu từ tỉnh Bình Thuận đến tỉnh Cà Mau, trong đó thị trường trọng điểm là các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Tây Nam bộ,…

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (không hoạt động bến thủy nội địa tại trụ sở) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản và dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ hoạt động bến thủy nội địa) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;

- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)

Một số sản phẩm

Đá 0x4

Đá 1x2

Đá 4x6

Gạch ngói

Gạch men

Cát xây dựng

Bồn chứa nước

Sắt

Xi măng

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

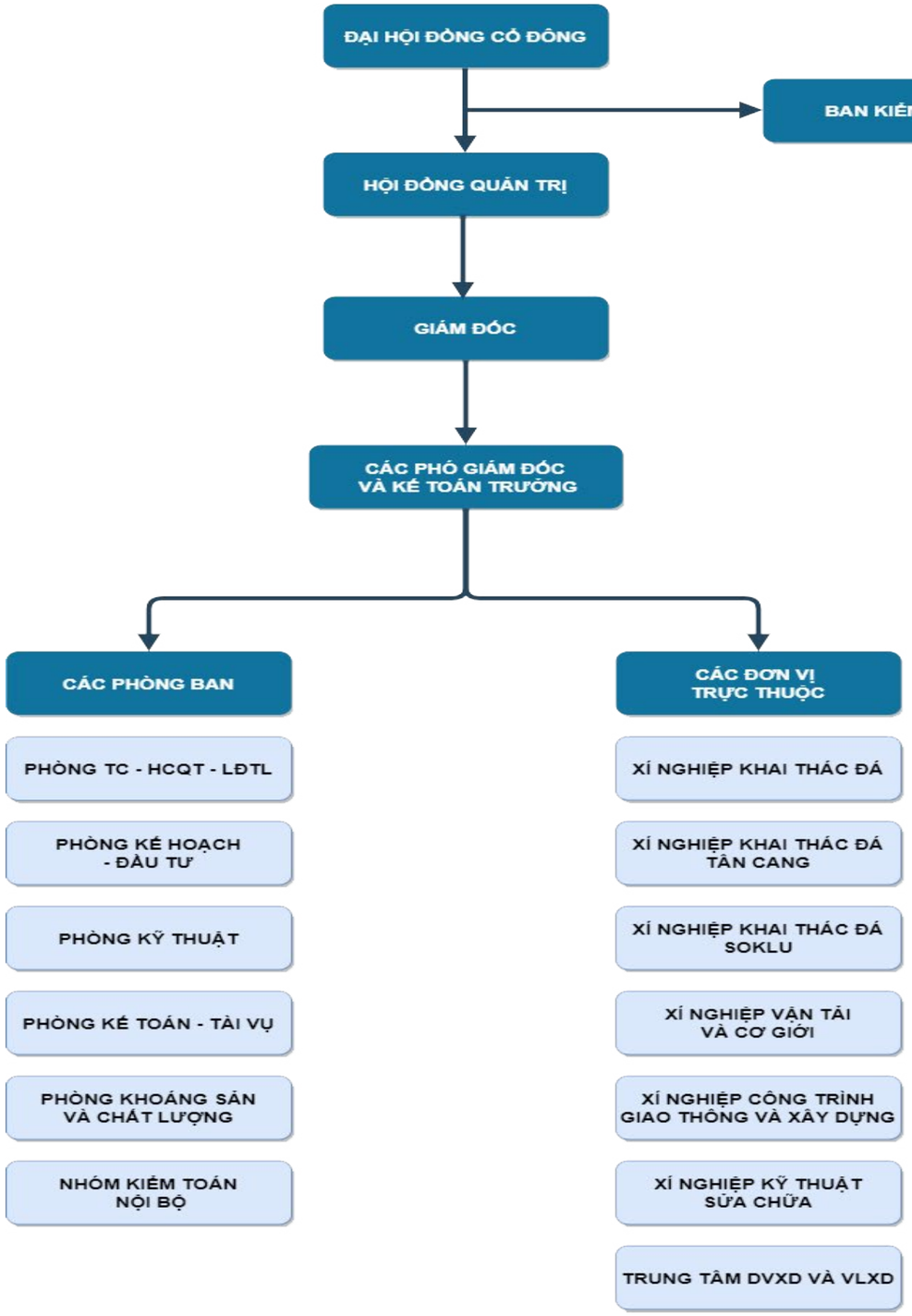

Các Công ty con, Công ty liên kết:

Không

"Với thương hiệu, năng lực quản lý được BBCC xây dựng từ những ngày đầu thành lập, hiện nay Công ty đang quản lý và khai thác 05 mỏ đá có trữ lượng lớn và chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với tổng trữ lượng trên 101.585.629 m^3 đá nguyên khối; năng lực khai thác và chế biến đá trên 7.000.000 m3/năm. Bên cạnh đó, tận dụng lợi thế về đường thủy, Công ty đã xây dựng các bến thủy nội địa để phục vụ cho việc giao nhận hàng."

Xí nghiệp khai thác đá

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Thạnh Phú 1, mỏ đá Thiện Tân 2
- Văn phòng giao dịch: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.360.0002
- Các mỏ đá:
  - Công trường khai thác đá Thạnh Phú - Điện thoại: 0251.360.0002 - Địa chỉ: xã Thạnh Phú và xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
  - Bến thủy nội địa Thạnh Phú - Điện thoại: 0251.861.5979
  - Công trường khai thác đá Thiện Tân - Điện thoại: 0251.656.9259 - Địa chỉ: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
  - Bến thủy nội địa Thiện Tân - Điện thoại: 0251.360.1619
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi …. Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất gạch các loại,….

Xí nghiệp khai thác đá Soklu

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Soklu 2 và mỏ đá Soklu 5.
- Văn phòng giao dịch: ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.377.5223
- Fax: 0251.377.5224
- Các mỏ đá:
  - Công trường khai thác đá Soklu 2 - Địa chỉ: xã Quang Trung và xã Gia Khiêm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
  - Công trường khai thác đá Soklu 5 – Địa chỉ: xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi …. Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, ...

Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Tân Cang 1.
- Văn phòng giao dịch: ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3850251
- Fax: 0251.3850251
- Các mỏ đá:
  - Công trường khai thác đá Tân Cang - Điện thoại: 0251.8838056 - Địa chỉ: ấp Tân Cang, Phường Phước Tân, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi …. Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất gạch các loại,….

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn sứ mệnh

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh mặt hàng chủ lực là sản phẩm đá xây dựng trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế hiện có. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện công tác tìm kiếm, khảo sát và thăm dò các mỏ đá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Công ty tập trung xây dựng hệ thống quản trị Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả để phát huy tối đa các nguồn lực là thế mạnh của Công ty, cũng như có khả năng khai thác và tận dụng tốt các cơ hội của thị trường trong từng giai đoạn cụ thể.
- Công ty không ngừng nâng cao thương hiệu doanh nghiệp, thường xuyên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, cải tiến chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả kinh doanh, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Đồng Nai.
- Văn hóa doanh nghiệp là kim chỉ nam, là yếu tố cốt lõi để Công ty phát triển bền vững, nâng cao vị thế của doanh nghiệp. Vì vậy, các sản phẩm do Công ty sản xuất đều gắn với giá trị văn hóa doanh nghiệp và ngay cả môi trường làm việc, Công ty tạo tâm lý thoải mái, trang thiết bị đầy đủ để người lao động yên tâm làm việc.
- Xác định và thực hiện tốt trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng, xã hội thông qua việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên; thực hiện và vận động cán bộ công nhân viên (CBCNV) tích cực tham gia các hoạt động nhân văn, từ thiện, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Đối với hoạt động sản xuất

- Công ty định hướng phát triển thành doanh nghiệp hàng đầu ở Đồng Nai và khu vực Đông Nam Bộ về khai thác, chế biến đá xây dựng.
- Công ty tập trung phát triển toàn diện về tài chính, nguồn vốn lành mạnh đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Công ty tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn đối với người lao động đáp ứng nhu cầu thị trường và chiến lược kinh doanh của Công ty. Đồng thời Công ty áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến để cải thiện chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư sản xuất, nghiên cứu để cung cấp thêm sản phẩm đa dạng và có chất lượng với giá cả hợp lý, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn; đồng thời tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao thương hiệu của Công ty ở thị trường trong nước.

Đối với nhân sự

- Hoàn thiện cơ cấu, bộ máy tổ chức, năng lực quản trị đối với cấp quản lý Công ty, đơn vị trực thuộc.
- Tối đa hóa năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng vị trí, công việc; nhưng đồng thời phải ngày càng tinh gọn lực lượng lao động.
- Chú trọng đào tạo, cập nhật kiến thức mới, các ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để chuẩn hóa cũng như nâng cao chất lượng lao động. Tạo điều kiện, cơ hội cho người lao động phát huy kinh nghiệm, sở trường, năng lực chuyên môn; gắn với thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, thưởng, đãi ngộ, phúc lợi để khích lệ người lao động tăng cường đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh mảng khai thác và chế biến đá xây dựng các loại; tối ưu chất lượng khai thác, hiệu quả tại các mỏ đá hiện có.
- Tìm kiếm, khảo sát, thăm dò các mỏ đá mới, mở rộng phạm vi hoạt động cũng như tìm kiếm các đối tác chiến lược có năng lực và tiềm lực để hỗ trợ khâu hoạt động cũng như tạo các hợp đồng, dự án cho Công ty.
- Phát triển hoạt động thi công hạ tầng giao thông và xây dựng

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2020 nước Việt Nam tăng 2,91% trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,6%. Tuy đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2011 – 2020, nhưng Việt Nam được xem là một trong số ít những quốc gia trên thế giới đạt mức tăng trưởng dương trong bối cảnh đại dịch.

Để thực hiện mục tiêu kép, vừa phải khôi phục nền kinh tế và thực hiện hiệu quả phòng, chống dịch Covid-19, Chính phủ đã đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công để thúc đẩy tăng trưởng GDP, chính là một cơ hội tốt cho các doanh nghiệp trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói chung, trong đó có Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa tăng tiêu thụ sản phẩm. Tổng kết năm 2020, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 2.164,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm trước và bằng 34,4% GDP.

Những thay đổi trong nền kinh tế trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp luôn tác động đến các doanh nghiệp. Vì vậy, BBCC luôn quan tâm đến những chính sách, biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước nhằm đưa ra những định hướng phát triển phù hợp.

Rủi ro pháp luật

Nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập với nền kinh tế thế giới, do đó nhiều văn bản pháp luật đang được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế và để hệ thống pháp luật Việt Nam hoàn thiện hơn. Mọi thay đổi trong chính sách, quy định của chính phủ sẽ ảnh hưởng đến Công ty. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác đá làm vật liệu xây dựng, do vậy Công ty còn chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi Luật Khoáng sản về giấy phép khai thác mỏ đá và thời hạn khai thác mỏ đá.

Cùng với đó, Công ty cũng luôn theo dõi, cập nhật các quy định mới, xử lý kịp thời, dứt điểm các vấn đề phát sinh khi các văn bản pháp luật mới được ban hành, đảm bảo quá trình vận hành liên tục của Công ty, nhất là khi Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào 17/06/2020 cùng có hiệu lực từ 1/1/2021. Việc xây dựng một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học cũng sẽ giúp Công ty hoạt động một cách hiệu quả, đảm bảo giảm thiểu rủi ro về mặt quản trị.

Rủi ro cạnh tranh

Theo số liệu thống kê, số lượng doanh nghiệp thành lập mới tại Việt Nam năm 2020 đạt 134.940 doanh nghiệp, giảm 2,3% so với cùng kỳ. Trong đó, số lượng đăng ký thành lập doanh nghiệp mới ở Đồng Nai trong năm 2020 là 2.783 doanh nghiệp, chiếm 2,8% cả nước. Mặc dù ảnh hưởng của dịch Covid-19, tỉnh Đồng Nai vẫn đón nhận một số lượng doanh nghiệp thành lập mới là để đón đầu trong xu hướng phát triển của tỉnh, trở thành trung tâm logistics của khu vực, hệ thống cảng, kho bãi, vận tải đường bộ, đường thủy,... sẽ phát triển để phục vụ cho cả vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Để tận dụng những cơ hội hiện có, BBCC luôn chú trọng trong việc nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, và từng bước khẳng định vị thế của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

Rủi ro môi trường

Ngoài việc thực hiện theo quy định của luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh, Công ty còn chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ Môi trường. Việc khai thác sử dụng máy móc, khoan, nổ mìn có thể gây ảnh hưởng lớn đến môi trường sống của người dân xung quanh khu vực và môi trường tự nhiên. Vấn đề quan trọng hiện nay là Công ty đảm bảo kết hợp việc khai thác hiệu quả và tối ưu các nguồn khoáng sản tại các mỏ đá gắn với bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, do đặc thù ngành trước khi khai thác khoáng sản cần phải thực hiện khảo sát, thăm dò trữ lượng và chất lượng của mỏ tốn thời gian từ 2 - 3 năm, chi phí ban đầu rất cao nhưng nếu kết quả mỏ không đạt yêu cầu sẽ ảnh hưởng đến tiến độ hoạt động của Công ty và cả môi trường khu vực. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn cố gắng hoàn thiện quy trình khai thác và tuân thủ tốt các quy định của pháp luật.

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Các sản phẩm khoáng sản Công ty trực tiếp khai thác chịu tác động từ chính sách quản lý khai thác khoáng sản và môi trường của Chính Phủ, đặc biệt các loại thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường luôn theo chiều hướng tăng đã tạo áp lực cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc xây dựng chính sách khai thác phù hợp, hiệu quả.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất thì việc chú ý đến biến động nguồn nguyên liệu đầu vào là rất quan trọng để có thể duy trì các kế hoạch sản xuất và hạn chế ảnh hưởng đến giá vốn cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro nêu trên, Công ty còn phải đối mặt với các rủi ro khác từ môi trường, yếu tố bên ngoài (bão, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh Covid- 19), rủi ro sự cố trong quá trình vận hành, rủi ro về quản lý khai thác tài sản,.. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể phòng ngừa và hạn chế tác động bằng các biện pháp như: chủ động phòng chống dịch bệnh, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức của nhân viên về đảm bảo an toàn trong lao động nhằm giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

PHẦN 02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/ KH 2020	% TH 2020/ TH 2019
Doanh thu thuần	1.131.754	974.358	1.110.157	113,94%	98,09%
Lợi nhuận trước thuế	164.195	125.000	227.447	181,96%	138,52%
Lợi nhuận sau thuế	130.828	100.000	181.838	181,84%	138,99%

Trong năm 2020, với những diễn biến bất ổn do tác động của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và tình hình hoạt động BBCC nói riêng. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 tăng 2,91% trong đó Quý I tăng 3,68%; Quý II tăng 0,39% - đây là quý cho thấy rõ ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến nền kinh tế và với nhiều giải pháp quyết liệt của Chính phủ trong việc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công thì kể từ Quý III nền kinh tế dần hồi phục trở lại với mức tăng 2,69% trong Quý III, 4,48% trong Quý IV.

Trong năm 2020, nhờ xây dựng và triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, BBCC tiếp tục ghi nhận những kết quả vượt bậc, theo đúng kỳ vọng và đã hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra.

Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay giảm nhẹ (giảm 1,91%) so với 2019, nguyên nhân chủ yếu đến từ sự sụt giảm doanh thu xây dựng và hoạt động giãn cách xã hội làm gián đoạn việc triển khai các dự án thi công xây dựng, công trình hạ tầng giao thông đã ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đất, đá, vật liệu xây dựng. Nhưng đây được xem là một con số khả quan trước bối cảnh suy yếu của toàn nền kinh tế. Ngược lại, cả 2 chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau thuế đều tăng, với mức tăng lần lượt là 38,52% và 38,99%; nguyên nhân chủ yếu đến từ giá vốn hàng bán giảm 10,51% đồng thời chi phí khấu hao của Công ty có xu hướng giảm từ 38,5 tỷ trong năm 2019 xuống 28,9 tỷ đồng trong năm 2020 và tính đến cuối năm 2020 giá trị còn lại/nguyên giá là 17,11%, vì vậy lợi nhuận của Công ty trong các năm sau có thể được cải thiện do sự sụt giảm trong khấu hao.

Cơ cấu doanh thu và sản lượng của các mỏ đá

STT	Mỏ đá	Doanh thu tiêu thụ đá năm 2020 (triệu đồng)	Sản lượng đá tiêu thụ năm 2020 (m^3)
1	Mỏ đá Tân Cang 1	265.996	1.642.062
2	Mỏ đá Thạnh Phú 1	277.620	2.060.130
3	Mỏ đá Thiện Tân 2	282.916	2.221.546
4	Mỏ đá Soklu 2	35.812	237.265
5	Mỏ đá Soklu 5	73.875	442.607

Cơ cấu doanh thu

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán đất, đá	704.776	62,27	705.801	63,58
Doanh thu xây dựng	101.040	8,93	53.062	4,78
Doanh thu bán hàng hóa	269.058	23,77	307.523	27,70
Doanh thu khác	56.880	5,03	43.771	3,94
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.131.754**	**100**	**1.110.157**	**100**

2019

2020

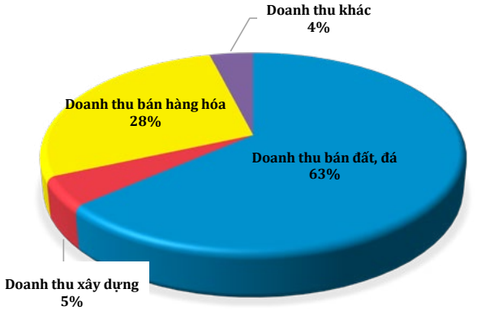

Trong cơ cấu doanh thu năm 2020, doanh thu bán đất, đá vẫn luôn là mảng chiếm tỷ trọng cao nhất với 63,58% và có mức tăng nhẹ 0,15% so với 2019. Trong năm 2020, có sự dịch chuyển trong cơ cấu doanh thu khi doanh thu bán hàng hóa có sự tăng trưởng vượt bậc với mức tăng 14,30% so với năm trước và chiếm 27,70%. Lý giải cho mức tăng này là do trong năm 2020 một số công trình giao thông trọng điểm khu vực miền Đông và Tây Nam bộ được đẩy mạnh tiến độ thi công, tiêu biểu như cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, Bến Lức - Long Thành; cộng với một số hạng mục khu tái định cư sân bay Long Thành được triển khai thi công dẫn đến nhu cầu vật liệu xây dựng để cung cấp cho các dự án này là rất lớn. Ngược lại, doanh thu xây dựng và doanh thu khác giảm trong năm 2020 và lần lượt đạt 53.062 triệu đồng và 43.771 triệu đồng, tương ứng chiếm 4,78% và 3,94%. Trong đó, doanh thu xây dựng giảm so với 2019 là do tiến độ dự án xây dựng công trình Sân Golf Long Thành (tổng doanh thu là 117 tỷ đồng) hoàn thành và đã quyết toán trong năm 2020 với mức doanh thu ghi nhận còn lại trong 2020 là 17 tỷ đồng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hùng Thắng	Quyền Giám đốc	36.640	0,078%
2	Huỳnh Xuân Đạo	Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	5.179.400	11,02%
3	Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	53.940	0,11%
4	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	5.225.240	11,12%

(*) Tính tại thời điểm 31/12/2020

Lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Hùng Thắng
Quyền Giám đốc

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh và quản lý
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 36.640 cổ phiếu (chiếm 0,078% vốn điều lệ)
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Ông Huỳnh Xuân Đạo
Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 9.400 cổ phiếu (chiếm 0,02% vốn điều lệ)
  - Đại diện sở hữu: đại diện phần vốn Nhà nước: 5.170.000 cổ phiếu (chiếm 11% vốn điều lệ)

Ông Nguyễn Xuân Việt
Phó Giám đốc

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí ô tô
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 53.940 cổ phiếu (chiếm 0,11% vốn điều lệ)
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Ông Phạm Quốc Thái
Kế toán trưởng kiêm Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính doanh nghiệp
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 55.240 cổ phiếu (chiếm 0,12% vốn điều lệ)
  - Đại diện sở hữu: đại diện phần vốn Nhà nước: 5.170.000 cổ phiếu (chiếm 11% vốn điều lệ)

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGĐ trong năm 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Huỳnh Kim Vũ	Chủ tịch HĐQT	26/06/2020 (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)	-
		Giám đốc	-	26/06/2020
2	Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT	26/06/2020 (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)	-
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	26/06/2020 (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)	-
4	Nguyễn Hùng Thắng	Quyền Giám đốc	16/07/2020	-
5	Huỳnh Xuân Đạo	Thành viên HĐQT	26/06/2020 (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)	-
		Phó Giám đốc	16/07/2020	
6	Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại 01/11/2020	-
7	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT	26/06/2020 (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)	-
		Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại 01/11/2020	-
8	Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban Kiểm soát	26/06/2020 (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)	-
9	Nguyễn Thị Thu Trà	Kiểm soát viên	26/06/2020 (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)	-
10	Huỳnh Huy Anh Thư	Kiểm soát viên	26/06/2020 (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)	-
11	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	26/06/2020
12	Hứa Hồ Điệp	Phó Giám đốc	-	01/02/2020

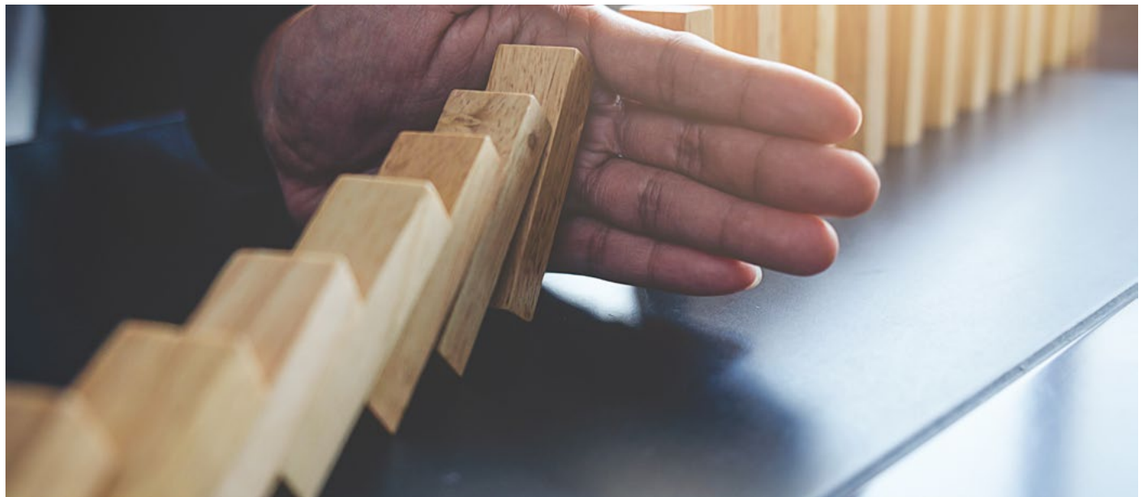

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	**Theo trình độ lao động**	**686**	**100%**
1	Đại học, trên đại học	138	20,12%
2	Cao đẳng	14	2,04%
3	Trung cấp	33	4,81%
4	Công nhân kỹ thuật	476	69,39%
5	Lao động phổ thông	25	3,64%
II	**Theo độ tuổi**	**686**	**100%**
1	< 36 tuổi	84	12,24%
2	36 - 45 tuổi	309	45,04%
3	46 đến 55 tuổi	219	31,92%
4	> 55 tuổi	74	10,79%
III	**Theo giới tính**	**686**	**100%**
1	Nam	594	86,59%
2	Nữ	92	13,41%

THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG

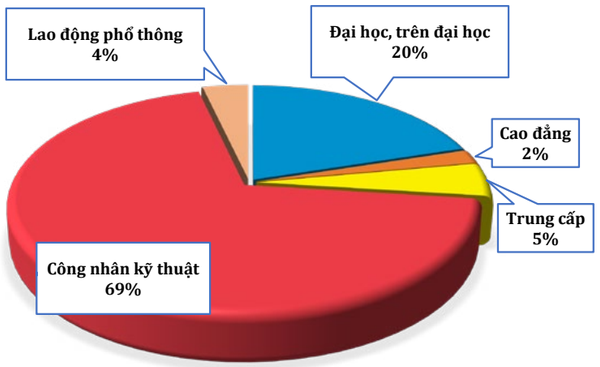

THEO ĐỘ TUỔI

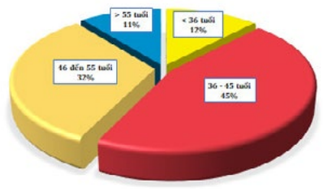

THEO GIỚI TÍNH

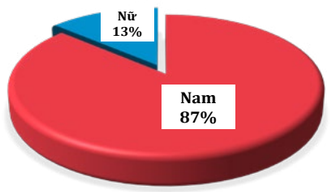

Chính sách nhân sự

Nguồn nhân lực là tài sản quý báu, là nhân tố quan trọng đối với BBCC. Vì vậy, Công ty không ngừng đầu tư, phát triển chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu mục tiêu, phát triển bền vững của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn khuyến khích người lao động phát huy hết năng lực, tạo điều kiện cho nhân viên phát huy tính sáng tạo, mang lại những sáng kiến, giải pháp thiết thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh yếu tố nhân lực, văn hóa doanh nghiệp được xem là yếu tố cốt lõi, luôn được quan tâm xây dựng trong suốt quá trình phát triển của BBCC, giúp đơn vị thích ứng với những thay đổi trong môi trường bên ngoài đó là:

Văn hóa của niềm tin bền vững: CBCNV luôn ý thức rõ về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong sự gắn kết thành một tập thể thống nhất, không ngừng phát huy sức mạnh nội lực để vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cấp trên giao.

Văn hóa làm việc: BBCC luôn tạo môi trường làm việc hài hòa và năng động, công bằng và bình đẳng, xây dựng một tập thể đoàn kết, đồng thuận, gắn kết từ cấp lãnh đạo đến người công nhân trực tiếp sản xuất.

Văn hóa kinh doanh: xây dựng nâng cao hình ảnh, thương hiệu BBCC với chất lượng, giá cả sản phẩm, cung cách phục vụ, kịp thời phản hồi thông tin với khách hàng và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, Công ty đã ban hành thủ tục tuyển dụng số OA002; CBCNV được tuyển dụng phải có trình độ, kinh nghiệm, năng lực công tác đáp ứng phù hợp yêu cầu, vị trí cần tuyển.

Với đặc thù ngành khai thác đá xây dựng, CBCNV đối mặt với nhiều rủi ro trong quá trình làm việc, và BBCC luôn quan niệm nguồn nhân lực là tài sản quý báu của Công ty nên Công ty thường xuyên đào tạo, nâng cao nhận thức về an toàn lao động được Công ty chú trọng. Ngoài ra, người lao động còn được Công ty hỗ trợ kinh phí để tham gia các khóa đào tạo phù hợp với từng vị trí, chức danh công việc nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty.

Công nhân trực tiếp sản xuất được đào tạo và tập huấn định kỳ theo đúng chuyên môn, đảm bảo đủ tiêu chuẩn từng công việc theo yêu cầu của Công ty và quy định của pháp luật về lao động. Khi cần thiết, cán bộ quản lý được cử đi học các khóa ngắn hạn để cập nhật kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi để học tập nâng cao chuyên môn

Chính sách lương thưởng

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề kinh doanh và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Hệ thống lương, thưởng của Công ty được xây dựng căn cứ theo trình độ, năng lực và gắn với hiệu quả công việc, mức độ đóng góp của cán bộ, công nhân viên.

Ngoài chế độ tiền lương, Công ty còn có chính sách khen thưởng đối với tập thể, cá nhân xuất sắc trong công việc, đóng góp ý kiến giúp Công ty cải thiện hiệu quả hoạt động. Các chính sách này nhằm tạo động lực, khuyến khích người lao động làm việc hăng say, tăng năng suất, góp phần xây dựng và phát triển Công ty hơn nữa. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách đãi ngộ phù hợp để khuyến khích nhân viên giỏi, thu hút lao động có trình độ, năng lực từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Để động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ hoặc thưởng đột xuất cho những nhân viên có đóng góp tích cực, đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	764	746	724	710	686
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.800.000	11.860.000	11.900.000	12.600.000	12.800.000

Chính sách bảo hiểm phúc lợi

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về Luật Lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và đảm bảo quyền lợi của người lao động khi nghỉ hưu, ốm đau, thai sản. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức ăn giữa ca, thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật, quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ lần 1, lần 2 (đối với những người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm), khám bệnh nghề nghiệp, khám chuyên khoa nữ, cấp thuốc điều trị tại chỗ, trợ cấp thôi việc, hưu trí, mua bảo hiểm tai nạn 24/24,…

Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty và căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Công ty tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát hằng năm. Tuy nhiên trong năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, việc tổ chức đi nghỉ mát sẽ tập trung đông người dẫn đến có nguy cơ lây nhiễm và ảnh hưởng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho CBCNV, Công ty đã thực hiện chi phúc lợi cho người lao động (thay thế việc tổ chức đi nghỉ mát năm 2020) bằng hình thức mua phiếu mua hàng tiêu dùng thiết yếu trị giá 5.000.000 đồng/người với tổng số tiền 3.480.000.000 đồng.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

STT	Khoản mục	Mô tả	Mục đích	Quy mô	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Chi phí đền bù, nhận chuyển nhượng mở rộng khu vực khai thác mỏ	Mỏ đá Soklu 5	Mở rộng khai thác thông moong	15.000 m^2	UBND tỉnh Đồng Nai cấp giấy phép số 177/GP-UBND ngày 07/7/2020	7,58
		Mỏ đá Thiện Tân 2	Mở rộng diện tích khai thác	14.683,5 m^2	Tháng 02 – 05/2020	21,291
		Mỏ đá Thạnh Phú 1	Mở rộng diện tích khai thác	1.723,1 m^2	Tháng 06 – 07/2020	1,723

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019
1	Tổng giá trị tài sản	840.302	907.970	108,05%
2	Doanh thu thuần	1.131.754	1.110.157	98,09%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	163.386	226.410	138,57%
4	Lợi nhuận khác	809	1.037	128,18%
5	Lợi nhuận trước thuế	164.195	227.447	138,52%
6	Lợi nhuận sau thuế	130.828	181.838	138,99%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,12	2,59
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,94	2,38
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	23,37	21,72
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	30,50	27,75
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	28,13	21,55
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,42	1,27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,56	16,38
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	21,04	26,85
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	16,37	20,80
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14,44	20,39

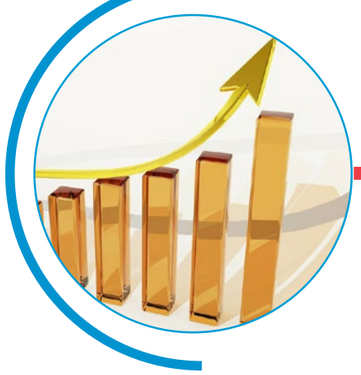

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Cả 2 chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm 2020 đều tăng. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,12 lần lên 2,59 lần; và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,94 lần lên 2,38 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do tài sản ngắn hạn tăng 22,44%. Điều này xuất phát từ việc kiểm soát tốt chính sách tín dụng của Công ty đối với khách hàng khi dòng tiền từ các khoản phải thu năm 2020 là 48,7 tỷ đồng, đã tác động tới khoản mục tiền và tương đương tiền tăng 53,17%, khoản đầu tư tài chính tăng 30,43%, đồng thời khoản phải thu ngắn hạn giảm 64,10%. Ngoài ra, tiền và tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn chiếm 48% trong tổng tài sản, điều này chứng tỏ Công ty đủ nguồn lực để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và đầu tư máy móc thiết bị để mở rộng sản xuất.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong suốt năm qua, BBCC luôn duy trì sức khỏe tài chính lành mạnh khi vốn chủ sở hữu chiếm 78,28% trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty và trong cơ cấu nợ của Công ty không có nợ dài hạn. Nợ phải trả năm 2020 chỉ tăng nhẹ 0,42% so với năm 2019 nhưng hai chỉ tiêu Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm là do tốc độ tăng trưởng nợ nhỏ hơn tốc độ tăng trưởng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Cụ thể, tổng tài sản tăng 8,05% phần lớn đến từ các khoản tiền và đầu tư ngắn hạn, vốn chủ sở hữu tăng 10,38% với sự đóng góp chính đến từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với mức tăng 40,41%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều giảm, điều này thể hiện Công ty vẫn chưa tận dụng hiệu quả tài sản để đem lại lợi ích cho Công ty. Cụ thể, trong năm vừa qua, doanh thu thuần của Công ty giảm 1,91% trong khi tổng tài sản tăng 8,05% dẫn đến vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,42 xuống 1,27 vòng. Bên cạnh đó, vòng quay hàng tồn kho giảm từ 28,13 xuống 21,55 vòng do đến từ việc hàng tồn kho bình quân năm 2020 tăng so với năm 2019 là 16,79%.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, các hệ số về khả năng sinh lời năm 2020 của Công ty đều tăng so với 2019. Nguyên nhân là do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận sau thuế tăng gần 39%, điều này xuất phát từ giá vốn hàng bán Công ty giảm 96 tỷ đồng tương ứng giảm 10,51% so với 2019 và doanh thu hoạt động tài chính tăng 10,03%. Bên cạnh đó, Công ty đã hoàn thành các kế hoạch đề ra trong năm và kết quả kinh doanh duy trì ở mức tốt, là cơ sở cho sự phát triển bền vững của Công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: **47.000.000 cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **46.798.960 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu quỹ: **201.040 cổ phiếu**

Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng/cổ phiếu**

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 05/08/2020)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ/ VĐL
I	**Cổ đông trong nước**	**786**	**46.798.960**	**467.989,60**	**99,57%**
1	Cổ đông Nhà nước	1	23.030.000	230.300	49%
2	Cổ đông tổ chức	2	4.512.500	45.125	9,60%
3	Cổ đông cá nhân	783	19.256.460	192.564,60	41%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Cá nhân	-	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-	-
III	**Cổ phiếu quỹ**	**1**	**201.040**	**2.010,40**	**0,43%**
Tổng cộng		787	47.000.000	470.000	100%

Danh sách cổ đông lớn (tính tới ngày 31/12/2020)

STT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH	23.030.000	49,00%
2	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hoàng Gia Phát	4.500.000	9,57%

Tình hình thay đổi vốn góp của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tổng số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 05/08/2020: 201.040 cổ phiếu.

Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2020:

Số lượng CP mua	Ngày hiệu lực chuyển quyền	Giá giao dịch bình quân (đồng/cổ phiếu)	Đối tượng giao dịch
25.900	05/08/2020	17.100	Mua lại cổ phiếu ưu đãi của CBCNV chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn được tự do chuyển nhượng

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là một doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chính là khai thác đá xây dựng, bên cạnh mục tiêu kinh doanh, BBCC còn quan tâm đến các yếu tố phi lợi nhuận do đó Công ty hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường nhằm duy trì và phát triển lâu dài và bền vững. Môi trường chính là nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào (nguồn tài nguyên, không gian sản xuất) cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời cũng chịu ảnh hưởng bởi hoạt động kinh doanh do các chất thải, khí thải.

Vì vậy, Công ty luôn đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc các yêu cầu theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với từng mỏ đá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty xác định đây là trách nhiệm mà doanh nghiệp phải luôn tuân thủ nghiêm túc và tổ chức thực hiện ngày một tốt hơn để phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Tiết kiệm năng lượng, tài nguyên khoáng sản và nhiên liệu

Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp tiết kiệm nhiên liệu nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cũng như giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh và các bên liên quan. Đồng thời, BBCC tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của CBCNV và áp dụng biện pháp tiết kiệm năng lượng như sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, bảo dưỡng máy móc thường xuyên để tránh tình trạng tiêu hao năng lượng do phần lớn máy, thiết bị đầu tư trên 10 năm. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng trong việc nghiên cứu sản phẩm mới để giảm tác động đến môi trường tự nhiên cũng như lựa chọn mua các phương tiện thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nhiên liệu; xây dựng và thực hiện triệt để quy trình khai thác tiết kiệm nhiên liệu; thường xuyên đánh giá và tổ chức định mức tiêu hao nhiên liệu cho từng loại máy móc thiết bị phù hợp từng điều kiện hoạt động khai thác. Nhờ đó, trong năm qua Công ty tiết kiệm được 98.938 lít dầu DO, tương ứng số tiền là là 1 tỷ 137 triệu đồng.

Về tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, năm 2020, Công ty tiêu thụ được 2.855.287 m3 đất tầng phủ tương ứng doanh thu trước thuế VAT là 56 tỷ 300 triệu đồng, vừa tăng doanh thu, đồng thời tiết kiệm hàng chục tỷ đồng chi phí bốc đất đầu và di dời, đổ thải; riêng khối lượng đá phong hóa năm 2020 tiêu thụ được 1.008.864,92 m3, chiếm 15% khối lượng đá tiêu thụ năm 2020. Qua đó tiết kiệm khối lượng lớn tài nguyên khoáng sản tại các mỏ đá trực thuộc và tăng nguồn thu ngân sách nhà nước qua thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Tiêu thụ nước

Nguồn nước BBCC đang sử dụng do Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai và Hợp tác xã Tuấn Nghĩa Phước Tân cung cấp với mức tiêu thụ trong năm 2020 là 7.676 m3 và khai thác 249.896 m3 nước mặt từ sông Đồng Nai và Sông Buông phục vụ công tác bảo vệ môi trường, khai thác 29.921 m3 nước dưới đất phục vụ sinh hoạt và công tác bảo vệ môi trường, tái sử dụng 94.740 m3 nước thải từ mỏ đá Tân Cang 1 để phục vụ công tác bảo vệ môi trường tại mỏ.

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn dành sự quan tâm đến việc làm, cải thiện điều kiện, môi trường làm việc, chất lượng cuộc sống của người lao động. Thu nhập bình quân của nhân viên trong năm 2020 là 12.800.000 đồng/người/tháng, tăng 1,6% so với 2019. Công ty luôn hướng đến môi trường làm việc tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi nhân viên phát huy hết năng lực của mình.

Ngoài ra Công ty có những chính sách khen thưởng phù hợp để khuyến khích, giữ chân người lao động có tay nghề cũng như các kế hoạch đào tạo đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi trong công việc, cũng như bắt kịp với xu thế hiện đại, nhanh chóng tiếp thu, học hỏi được các thành tựu khoa học kĩ thuật để áp dụng vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả. Đồng thời, Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ hoặc thưởng đột xuất cho những nhân viên có đóng góp tích cực, đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Xử lý rác thải, chất thải trong quá trình sản xuất của Công ty trong năm

Công ty ký hợp đồng với các đơn vị chức năng như Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, Công ty TNHH Môi trường Trí Ngọc Đạt và Hợp tác xã Vệ sinh Môi trường Nguyễn Huệ để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt.

Đối với các chất thải nguy hại phát sinh được giao cho Công ty TNHH Thương Mại - Môi trường Thiên Phước đến thu gom và đưa đi xử lý theo hợp đồng được ký kết hàng năm giữa hai Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đối với công tác xã hội, trong năm qua, các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã phối hợp với Người quản lý tiếp tục thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện, hướng về cuộc sống cộng đồng như:

- Duy trì thăm hỏi, trợ cấp hàng tháng đối với những gia đình chính sách mà doanh nghiệp nhận phụng dưỡng;
- Phát huy truyền thống nhân văn, tương thân, tương ái, cán bộ - công nhân viên lao động đóng góp 02 ngày lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng vào Quỹ Phòng, chống thiên tai, ủng hộ giúp đỡ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả do bão và lũ lụt gây ra với số tiền 233,41 triệu đồng;
- Công ty ủng hộ 200.000.000 đồng hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Biên Hòa về "Phát động ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Trung khắc phục thiệt hại do thiên tai, bão lũ"
- Ủng hộ 300.000.000 đồng trong công tác phòng, chống dịch Covid-19;
- Thăm hỏi, hỗ trợ, tặng quà cho Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật, cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, người già neo đơn, vô gia cư, các xã, địa phương, đơn vị còn khó khăn nhân dịp tết Nguyên đán; ủng hộ tập, sách cho các cháu học sinh thuộc các địa bàn khó khăn nhân dịp đầu năm học mới; đóng góp vào các quỹ xây dựng, phát triển địa phương và nhiều chương trình thiện nguyện khác với số tiền 1,3 tỷ đồng, trong đó ủng hộ 3.124,9 tấn đá xây dựng nông thôn mới tại các địa phương tương.

PHẦN 03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển

Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động

Trong năm 2020, trước sự bùng phát của đại dịch Covid-19, nền kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng suy thoái nghiêm trọng; trong nước, một số doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải thu hẹp quy mô sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng, từ đó thu ngân sách Nhà nước trong năm 2020 bị giảm 12,5% so với dự toán, ảnh hưởng đến phân bổ nguồn vốn cho các dự án về hạ tầng giao thông nên nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng nói chung và sản phẩm đá nói riêng bị ảnh hưởng nhất định. Cùng với những khó khăn nêu trên, giá đền bù các vùng nguyên liệu đá ngày càng tăng, một số chính sách có liên quan của Nhà nước về thuế tài nguyên, các loại phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuê đất được điều chỉnh tăng mạnh; giá xăng, dầu biến động không ổn định; tình hình cạnh tranh của những doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề ngày càng trở nên quyết liệt hơn.

Tuy nhiên, với sự quyết tâm và nỗ lực của toàn đơn vị, cùng với những lợi thế về quản trị doanh nghiệp, tổ chức sản xuất kinh doanh, năng lực máy móc thiết bị, trữ lượng mỏ đá dồi dào, nguồn tài chính vững mạnh, chất lượng sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp được khẳng định trên thị trường; cộng với sự phối hợp nhịp nhàng của các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc chính là yếu tố quan trọng giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh 2020

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên nhờ những biện pháp, giải pháp về quản lý, điều hành cùng với sự quan tâm và hỗ trợ kịp thời của các cơ quan, ban ngành, và đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu của 686 CBCNV, đã góp phần quan trọng giúp Công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/ KH 2020
Doanh thu, trong đó:	974.358	1.110.157	113,94%
- Bán đất, đá	759.358	705.801	92,95%
v *Tiêu thụ sản phẩm đá*	*725.608*	*649.472*	*89,51%*
v *Tiêu thụ sản phẩm đất*	*33.750*	*56.329*	*166,90%*
- Kinh doanh VLXD	200.000	307.523	153,76%
- Giao thông và xây dựng	15.000	53.062	353,75%
- Doanh thu khác	-	43.771	-
Lợi nhuận trước thuế	125.000	227.447	181,96%
Lợi nhuận sau thuế	100.000	181.838	181,84%

Dưới sự quyết tâm, nỗ lực không ngừng của toàn thể đơn vị, Công ty đã hoàn thành tốt mục tiêu đề ra, lợi nhuận sau thuế đạt 181.838 triệu đồng và vượt 81,84% so với kế hoạch. Mặc dù chỉ tiêu doanh thu giảm 1,91% so với 2019 nhưng lại vượt 13,94% kế hoạch. Điều này cho thấy Ban điều hành theo dõi sát sao tình hình thực tế để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Với năng lực, uy tín và thương hiệu BBCC, trong tháng 4/2020, Công ty đã tìm kiếm cho Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng hạng mục thi công nền, mặt đường thuộc Gói thầu số 17- Khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An- Bình Sơn (Dự án sân bay Long Thành) với giá trị hợp đồng 56 tỷ 617 triệu đồng, vừa tạo việc làm cho CB-CNVLĐ, vừa tiêu thụ sản phẩm tại Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang.

Ngoài ra, đối với công tác mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh: trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành hồ sơ cấp phép thông moong mỏ đá Soklu 5, thực hiện đền bù, nhận chuyển nhượng được 16.406,6 m2 đất để mở rộng diện tích khai thác tại các mỏ Thiện Tân 2, Thạnh Phú 1 với tổng giá trị đền bù là 23 tỷ 014 triệu đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHIÍNH

Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	416.447	49,56	509.892	56,16
Tài sản dài hạn	423.855	50,44	398.078	43,84
Tổng tài sản	**840.302**	**100**	**907.970**	**100**

Trong năm 2020 đã có sự dịch chuyển trong cơ cấu tài sản khi mà tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn xấp xỉ bằng nhau trong năm 2019 thì năm 2020 tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm nhiều hơn với 56,16%. Điều này là do sự gia tăng trong giá trị hao mòn của tài sản cố định và thanh lý những máy móc, thiết bị hư hỏng, hoạt động không còn hiệu quả. Tổng tài sản trong năm qua tăng 8,05% chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng hơn 93 tỷ đồng. Nguyên nhân là do khoản mục tiền và tương đương tiền tăng 53,17%, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 30,43% và đồng thời khoản phải thu ngắn hạn giảm 64,10%, chứng tỏ Công ty hiện đang kiểm soát tốt chính sách tín dụng dành cho khách hàng.

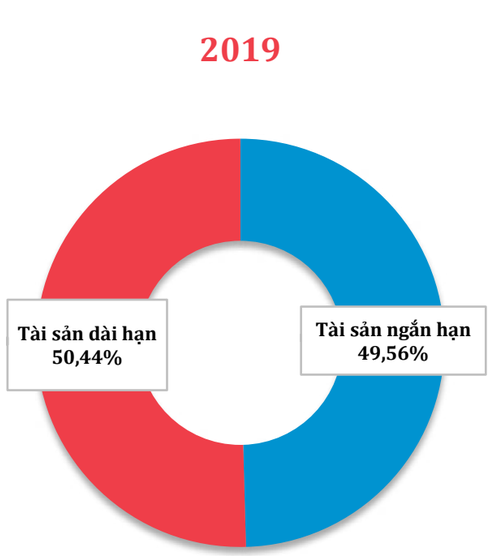

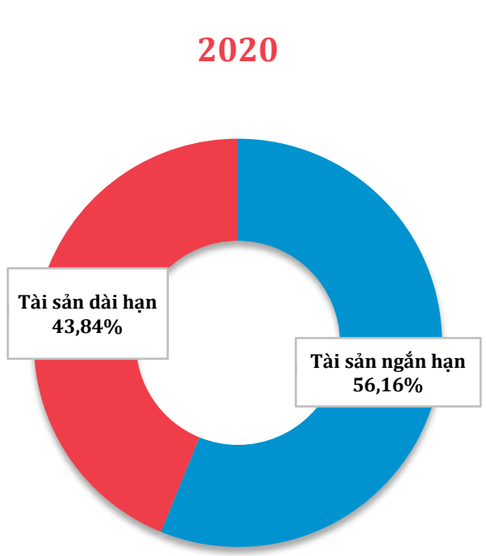

TÌNH HÌNH TÀI CHIÍNH

Tình hình nợ phải trả

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	196.371	100	197.204	100
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	**196.371**	**100**	**197.204**	**100**

Nợ phải trả của Công ty hình thành từ nợ ngắn hạn. Công ty không có khoản vay dài hạn đảm bảo cho Công ty luôn ổn định để quản lý và kiểm soát các rủi ro có thể xảy ra.

Tổng nợ phải trả của BBCC tăng nhẹ 0,42% tương đương 833 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ khoản người mua trả tiền trước tăng 22,07% và các chính sách thuế về tài nguyên, tiền thuê đất được điều chỉnh tăng mạnh nên các khoản thuế phải nộp tăng 41,59%; đồng thời khoản phải trả người bán giảm 56,61% do Công ty phần lớn đã trả hết các khoản nợ cho các nhà thầu phụ của công trình Sân Golf Long Thành. Tuy nhiên, khoản tăng nhẹ của tổng nợ phải trả này không làm ảnh hưởng nhiều đến tình hình hoạt động của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

1

BBCC đã thực hiện chính sách tinh gọn lao động nhưng không làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, khi có nhân viên bảo vệ đến tuổi nghỉ hưu hoặc nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân thì Công ty sẽ không tuyển mới để bổ sung mà thực hiện sắp xếp, thuê dịch vụ bảo vệ tại các vị trí trực gác của xí nghiệp, đơn vị trực thuộc vừa đảm bảo công tác giữ gìn tài sản, an ninh trật tự, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Qua đó, từng bước gọn nhẹ bộ máy, phù hợp với yêu cầu quản trị của Công ty cổ phần.

2

Với phương châm "Chất lượng, hiệu quả cao nhất là mục tiêu sống còn của BBCC", vì vậy trong thời kỳ khoa học công nghệ ngày càng phát triển, Công ty tăng cường áp dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hoặc ứng dụng những công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất để tăng năng suất, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, phát huy hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm từ Công ty đến các đơn vị sản xuất, đảm bảo tất cả các sản phẩm sản xuất ra đều phải được kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

3

Công ty tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng công tác bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và không ngừng cải tiến, nâng cấp thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm và sử dụng máy móc, thiết bị một cách hiệu quả nhằm tiết kiệm nhiên liệu để bảo vệ môi trường.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Thuận lợi

- BBCC là một trong những doanh nghiệp hàng đầu với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng.
- Công ty luôn nhận được sự quan tâm của các cơ quan ban ngành, sự đồng thuận của Quý cổ đông và sự gắn bó, quyết tâm của CBCNV chính là nền tảng, động lực để BBCC ngày càng phát triển và mở rộng thị phần.
- Năm 2020 là năm cuối thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 và đồng thời khi tình hình dịch bệnh Covid-19 ổn định nên Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp gia tăng giải ngân vốn đầu tư công để phục hồi nền kinh tế với tổng mức giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2020 đạt 79,3% kế hoạch và tăng 34% so với cùng kỳ năm trước.
- Đội ngũ nhân sự chất lượng, nhiều kinh nghiệm, tâm huyết với với sự phát triển của BBCC; có truyền thống đoàn kết, vượt khó, tinh thần làm việc chủ động, cần cù, sáng tạo.
- Sản phẩm đá xây dựng của BBCC được đánh giá là có chất lượng tốt, năng lực sản xuất lớn, hệ thống quản lý chất lượng luôn được duy trì và cải tiến liên tục. Vì vậy luôn nhận được sự quan tâm, ưu tiên lựa chọn đặc biệt là các chủ đầu tư.
- BBCC hiện đang quản lý và khai thác các mỏ đá có trữ lượng lớn và chất lượng tốt với tổng trữ lượng trên 101.585.000 m3; đồng thời các mỏ đá có vị trí thuận lợi về đường bộ và đặc biệt là đường thủy. Do đặc thù ngành, chi phí vận chuyển thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, với việc vận chuyển bằng đường thủy đã tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Công ty khi chi phí vận chuyển bằng đường thủy thấp hơn so với đường bộ.

Khó khăn

- Tình hình thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ảnh hưởng đến quá trình khai thác và chế biến đá xây dựng cũng như ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng do nhiều công trình không thể khởi công xây dựng.
- Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục làm ảnh hưởng đến mọi mặt nền kinh tế, làm gián đoạn chuỗi cung ứng, suy giảm tiêu dùng trong đó có ngành xây dựng và khai thác khoáng sản.
- Giá cả vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế luôn diễn biến theo nhiều chiều hướng khác nhau gây khó khăn cho BBCC trong quá trình lập chi phí.
- Tình hình kinh tế biến động, giá cả các nhiên liệu (xăng,dầu), điện, máy móc thiết bị tăng cao cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Việc đền bù phần diện tích còn lại tại các mỏ đá: Tân Cang 1 (2,4 ha), Thiện Tân 2 (0,76 ha) và Thạnh Phú 1 (2,75 ha) gặp rất nhiều khó khăn do người dân đẩy giá lên rất cao, cộng với hồ sơ đất, giấy tờ sở hữu liên quan một số thửa đất có sự khác biệt về diện tích so với thực tế, hoặc chưa hoàn chỉnh để Công ty có thể tiến hành thương lượng, đền bù. Bên cạnh đó, tình hình máy móc, thiết bị phần lớn đã xuống cấp do đầu tư trên 10 năm (máy khoan, máy xúc, máy cuốc, đập đục,..) nên thường xuyên hư hỏng, làm ảnh hưởng đến năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Trước tình hình dịch Covid-19 trên thế giới chưa được kiểm soát toàn diện và có những đợt bùng phát dịch bất thường sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam cũng như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021. Tuy nhiên, bước vào năm kế hoạch 2021, Công ty xác định rằng sẽ có những cơ hội mới thúc đẩy phát triển, nâng cao hiệu quả kinh doanh do Chính phủ tiếp tục thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và một số công trình giao thông trọng điểm khu vực miền Đông và Tây Nam bộ được đẩy mạnh tiến độ thi công. Đồng thời, căn cứ vào nhu cầu, tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng và năng lực sản xuất của Công ty cùng với những dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước cũng như tiềm năng phát triển của tỉnh Đồng Nai cụ thể là dự án sân bay Long Thành, cao tốc Bến Lức – Long Thành, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, cao tốc Dầu Giây - Liên Khương…,Ban điều hành Công ty đề xuất Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
Sản xuất đá xây dựng các loại	m^3	6.000.000
Tiêu thụ đá xây dựng các loại	m^3	6.000.000
Doanh thu, trong đó	triệu đồng	908.136,18
- Tiêu thụ sản phẩm đá	triệu đồng	654.686,18
- Tiêu thụ sản phẩm đất	triệu đồng	18.450
- Kinh doanh VLXD	triệu đồng	220.000
- Giao thông và xây dựng	triệu đồng	15.000
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	150.000
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	120.000
Nộp ngân sách	triệu đồng	243.626
Thu nhập bình quân	triệu đồng/người/tháng	> 11

Kế hoạch đầu tư năm 2021

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Hoàn tất việc đền bù mở rộng 2,40 ha mỏ đá Tân Cang 1	Theo giá thực tế của thị trường
2	Hoàn tất việc đền bù mở rộng 0,76 ha mỏ đá Thiện Tân 2	Theo giá thực tế của thị trường
3	Hoàn tất việc đền bù mở rộng 2,75 ha mỏ đá Thạnh Phú 1	Theo giá thực tế của thị trường

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Biện pháp triển khai thực hiện

Để tổ chức thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nêu trên, Ban điều hành Công ty xác định những biện pháp, giải pháp trọng tâm tiếp tục tập trung triển khai thực hiện trong năm 2021 như sau:

- Tiếp tục phát huy các giải pháp đã thực hiện về công tác tổ chức, sắp xếp, bố trí lao động; công tác quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh, quản trị chất lượng, thương hiệu; công tác kỹ thuật, sửa chữa mà Công ty triển khai thực hiện đạt kết quả tốt trong năm 2020.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm soát quá trình sản xuất - kinh doanh nhằm đạt các mục tiêu, yêu cầu về tiết kiệm trong khoan - nổ mìn, sử dụng điện năng, nhiên liệu, sửa chữa, thay thế vật tư, phụ tùng; thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật; quản lý việc điều động, bố trí xe máy tại các xí nghiệp khoa học, hiệu quả v.v.., áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới để nâng cao năng suất, đảm bảo cơ cấu giá thành sản phẩm hợp lý để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực.

Song song đó, tập trung thực hiện các công tác trọng tâm có liên quan như:

Rà soát, xin chủ trương Hội đồng quản trị thanh lý những máy móc, thiết bị hết khấu hao, hoặc giá trị còn lại ít, thường xuyên hư hỏng, hoạt động kém hiệu quả. Mặt khác, đánh giá năng lực vận chuyển, nhu cầu các xe máy, thiết bị chủ lực v.v.. khi thật sự cần thiết sẽ xin chủ trương Hội đồng quản trị phân kỳ thực hiện đầu tư một cách hợp lý, nhằm đảm bảo năng lực phục vụ sản xuất ổn định, kịp thời tăng tốc, đón đầu khi các dự án lớn tại khu vực, các hạng mục công trình phụ và dự án sân bay Long Thành triển khai.

Thường xuyên rà soát, hoàn tất thủ tục thuê đất đối với những diện tích đền bù đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định; đồng thời xin chủ trương Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện đền bù mở rộng, đền bù hoàn chỉnh phần diện tích còn lại tại các mỏ đá trực thuộc.

Thực hiện chỉ đạo, điều hành và tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh minh bạch. Qua đó, tăng cường xây dựng niềm tin, cộng đồng trách nhiệm, đảm bảo hài hòa lợi ích của tất cả các cổ đông và người lao động Công ty. Tổ chức ghi nhận và hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính rõ ràng, chính xác, kịp thời, thực hiện cân đối tài chính phù hợp với nhu cầu thực tế tại Công ty và đúng quy định của pháp luật.

Tiếp tục xác định lực lượng lao động Công ty là nguồn lực quan trọng nhất nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp, giải pháp, chương trình, kế hoạch Công ty đề ra. Vì vậy, Công ty tiếp tục nghiên cứu, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng các chương trình nghiệp vụ nâng cao, hoàn thiện chất lượng nguồn nhân lực Công ty; gắn với tiếp tục cải thiện môi trường làm việc, chất lượng cuộc sống, các chế độ phúc lợi, thu nhập người lao động, nhằm tăng cường gắn bó lâu dài với Công ty, duy trì sự ổn định về bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Tiếp tục nâng cao thương hiệu BBCC về mọi mặt, thực hiện chính sách khách hàng cởi mở, hài hòa, linh hoạt, cùng hợp tác phát triển bền vững; tiếp tục bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, nâng cao giá trị cổ phiếu VLB.

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Ban Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện chặt chẽ, từ việc hợp đồng với đơn vị có chức năng huấn luyện an toàn lao động cho CBCNV đến công tác xây dựng kế hoạch, đánh giá về nguy cơ rủi ro. Ngoài ra, BBCC thường xuyên kiểm tra định kỳ về an toàn vệ sinh lao động, về thực hiện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, thực hiện phương án bảo vệ, giữ gìn tài sản Công ty. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc Công ty còn chỉ đạo cán bộ, lực lượng chuyên trách thường xuyên đeo bám thực tế để kiểm tra, giám sát, nhắc nhở người lao động nâng cao ý thức tự bảo vệ cá nhân, bảo vệ đơn vị, nhờ đó công tác an toàn lao động trong năm 2020 luôn được đảm bảo và duy trì tốt.

Công ty cam kết triển khai và thực hiện công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với tất cả cán bộ công nhân viên trong quá trình làm việc tại Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng bảo đảm đào tạo chuyên ngành, chăm lo sức khỏe và khuyến khích nhân viên làm việc, phản hồi và chia sẻ nguyện vọng hay đóng góp các ý kiến đổi mới; đảm bảo việc làm và duy trì ổn định mức thu nhập.

Công ty luôn hướng đến các hoạt động vì cộng đồng - xã hội, là một trong những yếu tố cốt lõi cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, luôn đặt phương châm gắn trách nhiệm xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần lan tỏa, tạo nên các mối liên kết quan trọng với cộng đồng nơi doanh nghiệp hoạt động.

PHẦN 04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA Công ty

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và theo dõi sát sao tình hình thực tế của Công ty để đề ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp và kịp thời. Định kỳ, Hội đồng quản trị tổ chức các buổi họp để đánh giá, chỉ đạo và quản lý, giám sát các hoạt động của Công ty đảm bảo theo quy định của Điều lệ. Hội đồng quản trị luôn tôn trọng nguyên tắc làm việc, chủ động trao đổi, phối hợp, lắng nghe ý kiến và giải quyết công việc thuộc chức trách của Hội đồng quản trị trong thời gian nhanh nhất.

Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2020 đề ra như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 thực hiện

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/ KH 2020
Doanh thu thuần	triệu đồng	974.358	1.110.157	113,94%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	125.000	227.447	181,96%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	100.000	181.838	181,84%
Sản lượng đá tiêu thụ	m^3	6.000.000	6.603.609	110,06%
Nộp ngân sách	triệu đồng	248.828	299.002	120%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	**%**	**21,27**	**38,69**	**181,90%**

Thông qua việc Chủ tịch HĐQT tham gia hội ý đầu tuần với Ban điều hành, tham gia họp giao ban định kỳ tại Công ty đã kịp thời đưa ra các giải pháp, biện pháp một cách hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, dưới sự nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt mục tiêu đề ra, lợi nhuận sau thuế đạt 181.838 triệu đồng và vượt 81,84% so với kế hoạch.

181.838

triệu đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2020

VƯỢT 81,84% KẾ HOẠCH

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2020; theo dõi diễn biến tình hình kinh tế và hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm chủ động đưa ra các chiến lược phù hợp ứng với từng bối cảnh của thị trường. Để đạt được kết quả kinh doanh khả quan trong năm qua là nhờ vào tâm huyết, nỗ lực của Ban điều hành trong công tác điều hành và sự phối hợp, tham mưu hiệu quả của các phòng ban, tập thể CBCNV.

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị, xin ý kiến từ Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề phát sinh. Sự phối hợp giữa Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra theo đúng định hướng và kế hoạch đã đặt ra. Mặt khác, Ban Giám đốc cũng rất quan tâm đến công tác chăm lo đời sống của người lao động trong Công ty, duy trì lực lượng lao động ổn định cho Công ty. Ban Giám đốc cũng tích cực tham gia và khuyến khích người lao động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ và đóng góp cho các hoạt động tình nguyện, hoạt động thiện nguyện.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Qua kết quả thực hiện năm 2020, các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch đề ra của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tuy nhiên, trước sự ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, đồng thời sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp và các dự án như cao tốc Mỹ Thuận- Cần Thơ, Phan Thiết- Dầu Giây, Bến Lức- Long Thành chưa được đẩy mạnh tiến độ thi công do khó khăn về vốn; kết hợp với những quy định của pháp luật về tài nguyên khoáng sản, nhất là các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cùng các loại thuế và phí liên quan có xu hướng tiếp tục tăng sẽ là những thách thức, áp lực rất lớn đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 đó là:

Chỉ tiêu thực hiện chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021
1	Doanh thu thuần	908.136 triệu đồng
2	Lợi nhuận trước thuế	150.000 triệu đồng
3	Lợi nhuận sau thuế	120.000 triệu đồng
4	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	25,53%
5	Cổ tức	Tối thiểu 15%/mệnh giá cổ phần

Kế hoạch nhiệm vụ về công tác quản trị

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện xây dựng Điều lệ tổ chức hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
- Tiếp tục quản lý, tập trung nguồn lực cho ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác đá. Trong đó, linh hoạt điều chỉnh các loại sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng, nhưng ưu tiên sản xuất những chủng loại sản phẩm có giá trị cao, thị trường cần, giảm tỷ lệ phụ phẩm, tiết kiệm tài nguyên và tăng hiệu quả kinh tế.
- Tiếp tục theo dõi sát sao tình hình, diễn biến của thị trường vật liệu xây dựng, tình hình triển khai những dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông tại các khu vực là thị trường tiêu thụ chủ lực sản phẩm đá của Công ty; kết hợp bám sát hoạt động của các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc để có kế hoạch phân kỳ đầu tư hợp lý máy móc, thiết bị, nhằm nâng cao năng lực sản xuất, cung cấp đủ sản phẩm cho khách hàng khi nhu cầu của thị trường tăng mạnh.
- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp, giải pháp điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chuẩn hóa chuyên môn theo hướng chuyên sâu, không ngừng hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực, gắn với tăng cường phát huy thế mạnh về thương hiệu, chất lượng sản phẩm và các yếu tố thuận lợi khách quan trong từng giai đoạn cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021 được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tiếp tục quản lý, giám sát thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để phục vụ các yêu cầu, mục tiêu phát triển bền vững trong ngành khai thác khoáng sản.

PHẦN 05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ Công ty

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2020)

Theo Nghị quyết số 01/NQ/2020/ĐHĐCĐ ngày 26/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, các thành viên sau đảm nhiệm vai trò trong Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Kim Vũ	Chủ tịch HĐQT	9.455.040	20,12%
2	Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	5.225.240	11,12%
5	Huỳnh Xuân Đạo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc	5.179.400	11,02%

Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
1	Huỳnh Kim Vũ	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm 26/06/2020
2	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	Bãi nhiệm 26/06/2020
3	Huỳnh Xuân Đạo	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm 26/06/2020

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Ông Huỳnh Kim Vũ
Chủ tịch HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 55.040 cổ phiếu (chiếm 0,12% VĐL)
  - Đại diện sở hữu: đại diện phần vốn Nhà nước: 9.400.000 cổ phiếu (chiếm 20% VĐL)

Ông Nguyễn Quốc Phòng
Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Đại học; Chuyên ngành: Tài chính – Tín dụng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT – P.TGĐ Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% VĐL)
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% VĐL)

Ông Nguyễn Thanh Tùng
Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:Không có.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% VĐL)
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% VĐL)

Lý lịch của Ông Huỳnh Xuân Đạo, Phạm Quốc Thái xem ở phần Danh sách Ban điều hành trang 23

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Huỳnh Kim Vũ	Chủ tịch HĐQT	05/05	100%	
2	Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT không điều hành	05/05	100%	
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT không điều hành	05/05	100%	
4	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT	05/05	100%	
5	Huỳnh Xuân Đạo	Thành viên HĐQT	03/05	60%	Tham gia HĐQT từ ngày 26/06/2020
6	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	02/05	40%	Miễn nhiệm ngày 26/06/2020

Trong năm 2020, HĐQT đã đưa ra các nghị quyết, quyết định sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I	**Nghị quyết**		
1	63/NQ-HĐQT	02/01/2020	1. Thông qua chủ trương áp dụng đơn giá sản phẩm dở dang năm 2020. 2. Thông qua chủ trương xử lý tiền nộp thuế TNCN do Công ty đã tạm nộp thay cho 03 hộ tại mỏ đá Tân Cang 1 và 02 hộ tại mỏ đá Thạnh Phú 1 để sang tên giấy CNQSDĐ và lập thủ tục thuê đất. 3. Thông qua kế hoạch khen thưởng năm 2019 (Tết Canh Tý 2020)
2	64/NQ-HĐQT	05/03/2020	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 (07/04/2020); và ngày họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 (dự kiến 28/04/2020).
3	65/NQ-HĐQT	30/03/2020	Về việc dời thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và đề nghị Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai xem xét, gia hạn đến tháng 6/2020.
4	66/NQ-HĐQT	30/03/2020	Thực hiện dự án đầu tư mở rộng khai thác thông moong tại mỏ đá Soklu 5.
5	67/NQ-HĐQT	07/04/2020	HĐQT thống nhất thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
6	68/NQ-HĐQT	07/04/2020	1. Thông qua báo cáo của Giám đốc Công ty về tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị từ 06/12/2019 đến 31/3/2020. 2. Thông qua quyết toán Quỹ tiền lương người lao động, Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý và Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019. 3. Thông qua quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động; quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, quỹ thưởng của người quản lý Công ty năm 2020. 4. Thông qua chủ trương thanh lý 02 máy đào bánh xích Daewoo Solar 280LC, máy đào (đập đục) Solar 280 và 01 xe bồn nước Isuzu. 5. Thông qua chủ trương, đền bù, nhận chuyển nhượng 601,5m^2 đất tại mỏ đá Thạnh Phú 1.
7	69/NQ-HĐQT	13/05/2020	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 (05/06/2020); và ngày họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 (dự kiến 26/06/2020).
8	70/NQ-HĐQT	05/06/2020	Điều chỉnh kế hoạch tiền lương, thù lao của Người quản lý Công ty năm 2020.
9	71/NQ-HĐQT	05/06/2020	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi, cổ phiếu ESOP của người lao động đã nghỉ việc trước thời hạn để làm cổ phiếu quỹ.
10	72/NQ-HĐQT	05/06/2020	1. Báo cáo của Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. 2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019; Kế hoạch hoạt động năm 2020. 3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019; Kế hoạch hoạt động năm 2020. 4. Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã qua kiểm toán. 5. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020. 6. Báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2019 của Người quản lý Công ty (HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty) và kế hoạch năm 2020. 7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC Công ty năm 2020. 8. Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty. 9. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. 10. Bãi nhiệm Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2020 và bầu Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025. 11. Bãi nhiệm Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020 và bầu Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	01/NQ-HĐQT	26/06/2020	Kỳ họp thứ I – nhiệm kỳ 2020 – 2025 của Hội đồng quản trị Công ty (bầu Ông Huỳnh Kim Vũ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025).
12	02/NQ-HĐQT	16/07/2020	1. Thông qua báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm và kế hoạch 06 tháng cuối năm 2020. 2. Thông qua chủ trương đền bù, nhận chuyển nhượng 1.121,6 m^2 đất của hộ ông Phạm Thế Chung để mở rộng khu vực khai thác mỏ đá Thạnh Phú 1. 3. Thông qua chủ trương sửa chữa đường ra Bến thủy nội địa Thạnh Phú (dài 180m) và hố rửa xe.
13	03/NQ-HĐQT	16/07/2020	Chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền.
14	04/NQ-HĐQT	16/07/2020	Giao nhiệm vụ Quyền Giám đốc và bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa.
15	05/NQ-HĐQT	29/10/2020	1. Thông qua báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh quý III, 09 tháng và kế hoạch quý IV/2020. 2. Thông qua chủ trương thanh lý 02 xe tải hiệu Faw do Trung Quốc sản xuất và 01 máy đào (đập đục) bánh xích hiệu Huyn-dai Robex 4500. 3. Thông qua chủ trương thanh lý các vật tư, phụ tùng tồn kho. 4. Thông qua việc tiếp tục giữ lại khu đất tại Bãi 3 – phường Tân Hạnh, Tp Biên Hòa thêm một năm; không trả lại đất và thanh lý hợp đồng thuê đất đối với khu đất tại Bãi 3. 5. Thông qua chủ trương điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần. 6. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của HĐQT Công ty.
16	06/NQ-HĐQT	29/10/2020	Bổ nhiệm lại Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa.
II	**Quyết định**		
1	53/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Khen thưởng các cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm (2015-2019).
2	54/QĐ-HĐQT	07/04/2020	Phê duyệt Dự án mở rộng khai thác thông moong tại mỏ đá Soklu 5 thuộc xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
3	01/QĐ-HĐQT	26/06/2020	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa đối với ông Huỳnh Kim Vũ để thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.
4	02/QĐ-HĐQT	16/07/2020	Giao ông Nguyễn Hùng Thắng – Phó Giám đốc Công ty, giữ nhiệm vụ Quyền Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa, thời gian giao giữ nhiệm vụ tối đa không quá 12 tháng kể từ 16/07/2020.
5	03/QĐ-HĐQT	16/07/2020	Bổ nhiệm ông Huỳnh Xuân Đạo – Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư Công ty, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa; thời gian bổ nhiệm 05 năm kể từ 16/07/2020.
6	04/QĐ-HĐQT	29/10/2020	Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Xuân Việt giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa, thời hạn bổ nhiệm kể từ ngày 01/11/2020 đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật hiện hành.
7	05/QĐ-HĐQT	29/10/2020	Bổ nhiệm lại ông Phạm Quốc Thái giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa, thời gian bổ nhiệm 05 năm kể từ 01/11/2020.
8	06/QĐ-HĐQT	05/11/2020	Thành lập Hội đồng thanh lý tài sản cố định.
9	07/QĐ-HĐQT	05/11/2020	Sửa đổi, ban hành Quy chế làm việc của HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa.

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách Kiểm soát viên

Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ/2020/ĐHĐCĐ ngày 26/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, các thành viên sau được bầu trong Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Đường Tài	Trưởng ban kiểm soát	36.540	0,077%
2	Nguyễn Thị Thu Trà	Kiểm soát viên	0	0%
3	Huỳnh Huy Anh Thư	Kiểm soát viên	3.290.000	7%

Lý lịch Ban Kiểm soát

Ông Huỳnh Đường Tài
Trưởng Ban Kiểm soát

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 36.540 cổ phiếu (chiếm 0,077% VĐL)
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% VĐL)

Bà Huỳnh Huy Anh Thư
Kiểm soát viên

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng Kế toán tài chính Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% VĐL)
  - Đại diện sở hữu: đại diện phần vốn Nhà nước: 3.290.000 cổ phiếu (chiếm 7% VĐL)

Bà Nguyễn Thị Thu Trà
Kiểm soát viên

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng, EMBA
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% VĐL)
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% VĐL)

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Huỳnh Đường Tài	Trưởng ban kiểm soát	02/02	100%
2	Nguyễn Thị Thu Trà	Kiểm soát viên	02/02	100%
3	Huỳnh Huy Anh Thư	Kiểm soát viên	02/02	100%

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động của Công ty như sau:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết, các Quyết định kịp thời đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động và thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh đảm bảo đạt kế hoạch đề ra.
- Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát Ban Giám đốc trong việc triển khai kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị, công tác quản lý điều hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động. Ban Giám đốc thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị cũng như xin ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đúng quy định để giải quyết kịp thời với tinh thần trách nhiệm cao, hiệu quả.
- Ngoài ra còn thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và các công tác khác khi có phát sinh.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định công bố thông tin phù hợp với hình thức của Công ty đại chúng quy mô lớn, quy định nội bộ về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động sản kinh doanh chung của Công ty.
- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Ban Kiểm soát đều nhận được thông báo mời họp, tài liệu, các biên bản, nghị quyết của HĐQT và các tài liệu, thông tin về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban chuyên môn để góp phần vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và hoàn thành tốt công tác quản trị của Công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BKS và ban Giám đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	87.600.000	213.000.000
2	Huỳnh Kim Vũ	Chủ tịch HĐQT	450.000.000	73.200.000	376.000.000
3	Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT	-	146.400.000	290.000.000
4	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	-	146.400.000	290.000.000
5	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT	-	146.400.000	-
6	Huỳnh Xuân Đạo	Thành viên HĐQT	-	73.200.000	-
BAN KIỂM SOÁT					
1	Huỳnh Đường Tài	Trưởng ban	540.000.000	-	188.000.000
2	Nguyễn Thị Thu Trà	Kiểm soát viên	-	109.800.000	170.000.000
3	Huỳnh Huy Anh Thư	Kiểm soát viên	-	109.800.000	170.000.000
BAN GIÁM ĐỐC					
1	Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc	438.000.000	-	-
2	Nguyễn Hùng Thắng	Quyền Giám đốc	798.260.870	-	287.567.883
3	Hứa Hồ Điệp	Phó Giám đốc	61.000.000	-	23.000.000
4	Huỳnh Xuân Đạo	Phó Giám đốc	336.826.087	-	149.000.000
5	Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	732.000.000	-	273.000.000
6	Phạm Quốc Thái	Kế toán trưởng	732.000.000	-	298.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Nội dung	Giá trị (VNĐ)
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông lớn - Cổ đông Nhà nước	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	758.730.909
		Cổ tức phải trả	46.060.000.000

Việc thực hiện các quy trình về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được doanh nghiệp chú trọng hàng đầu và được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm đảm bảo thực hiện các hoạt động của Công ty đúng quy định của pháp luật hiện hành. Vì mục tiêu, lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất, BBCC đã ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị mang bản sắc, giá trị cốt lõi của riêng Công ty, tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động, đồng thời gắn được lợi ích của từng cá nhân với hiệu quả hoạt động của Công ty.

PHẦN 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý kiến của kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán 2020

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

bakertilly A&C

Số: 1.0513/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 01 năm 2021, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**509.891.570.533**	**416.447.035.718**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**321.457.500.938**	**209.866.580.066**
1. Tiền	111		36.457.500.938	51.866.580.066
2. Các khoản tương đương tiền	112		285.000.000.000	158.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**120.000.000.000**	**92.000.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	120.000.000.000	92.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**28.053.766.449**	**78.134.673.697**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.850.403.466	68.926.038.478
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	899.231.700	2.326.831.403
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7.304.131.283	6.881.803.816
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**39.753.473.527**	**36.132.928.171**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	39.860.761.140	37.361.563.640
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(107.287.613)	(1.228.635.469)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**626.829.619**	**312.853.784**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	72.783.750	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	554.045.869	312.853.784
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số		Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**398.078.237.176**	**423.855.156.789**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**28.927.157.015**	**27.492.891.069**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	28.927.157.015	27.492.891.069
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**93.550.892.695**	**120.899.949.027**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	93.550.892.695	120.799.599.023
- *Nguyên giá*	*222*		*546.845.623.961*	*545.261.315.861*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(453.294.731.266)*	*(424.461.716.838)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	100.350.004
- *Nguyên giá*	*228*		*474.300.000*	*474.300.000*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(474.300.000)*	*(373.949.996)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**275.600.187.466**	**275.462.316.693**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	264.269.876.846	251.428.509.777
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.11	11.330.310.620	24.033.806.916
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**907.969.807.709**	**840.302.192.507**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**197.204.226.213**	**196.370.506.083**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**197.204.226.213**	**196.370.506.083**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	22.951.374.083	52.895.911.457
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	16.186.385.209	13.260.000.523
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	40.161.029.867	28.365.242.297
4. Phải trả người lao động	314	V.15	37.376.407.115	28.903.736.453
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	90.000.000	90.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	8.118.145.265	9.754.234.303
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	72.320.884.674	63.101.381.050
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**710.765.581.496**	**643.931.686.424**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**710.765.581.496**	**643.931.686.424**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19a, b	470.000.000.000	470.000.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*470.000.000.000*	*470.000.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19a	21.270.787.461	21.270.787.461
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19a	(3.437.784.000)	(2.994.894.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19a	52.337.844.836	34.154.058.952
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19a	170.594.733.199	121.501.734.011
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*27.852.014.011*	*121.501.734.011*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*142.742.719.188*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**907.969.807.709**	**840.302.192.507**

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Ngọc Mai Phương	Phạm Quốc Thái	Huỳnh Kim Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Chủ Tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.110.157.245.339	1.131.753.556.746
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.110.157.245.339	1.131.753.556.746
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	817.729.336.170	913.805.221.696
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		292.427.909.169	217.948.335.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.791.144.215	14.351.842.214
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	23.805.758.843	14.692.909.839
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	58.003.496.559	54.220.788.037
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		226.409.797.982	163.386.479.388
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.117.228.899	1.589.437.279
12. Chi phí khác	32	VI.7	79.683.512	780.581.315
13. Lợi nhuận khác	40		1.037.545.387	808.855.964
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		227.447.343.369	164.195.335.352
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	45.609.484.530	33.367.592.197
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		181.837.858.839	130.827.743.155
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	3.438	2.471
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	3.438	2.471

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Ngọc Mai Phương	Phạm Quốc Thái	Huỳnh Kim Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Chủ Tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		*227.447.343.369*	*164.195.335.352*
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	28.933.364.432	38.594.696.403
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(1.121.347.856)	1.026.413.213
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(15.791.144.215)	(13.814.953.200)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		*239.468.215.730*	*190.001.491.768*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		48.789.934.981	(33.712.510.193)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.204.298.796	680.551.345
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.964.580.240)	52.092.921.453
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.914.150.819)	(73.433.982.555)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(38.030.687.784)	(28.376.453.874)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	27.089.000	88.005.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(11.718.939.143)	(34.095.893.078)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*219.861.180.521*	*73.244.129.866*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(1.584.308.100)	(1.037.165.307)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(298.000.000.000)	(102.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		270.000.000.000	50.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	15.406.658.451	12.940.146.022
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*(14.177.649.649)*	*(40.097.019.285)*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.19a	(442.890.000)	(1.161.774.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a	(93.649.720.000)	(70.312.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		*(94.092.610.000)*	*(71.474.124.000)*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**111.590.920.872**	**(38.327.013.419)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**209.866.580.066**	**248.193.593.485**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**321.457.500.938**	**209.866.580.066**

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Ngọc Mai Phương	Phạm Quốc Thái	Huỳnh Kim Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Chủ Tịch HĐQT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất san lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông; xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới; sản xuất bê tông nhựa nóng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 686 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 710 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương dương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu
Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân thời điểm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thăm dò mỏ đá bao gồm các chi phí phát sinh cho liên quan đến việc khai thác mở rộng mỏ đá. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp dựa trên sản lượng khai thác thực tế.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 37
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và chi phí nâng cấp nhằm nâng cao tính năng sử dụng phần mềm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.705.339.000	1.103.376.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.752.161.938	50.763.204.066
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	285.000.000.000	158.000.000.000
Cộng	**321.457.500.938**	**209.866.580.066**

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	***33.222.800***	-
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	33.222.800	-
Phải thu các khách hàng khác	***19.817.180.666***	***68.926.038.478***
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	-	54.388.424.389
Công ty TNHH MTV TMDV Vận tải Châu Pha	-	1.690.873.455
Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành	419.139.378	564.051.538
Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Minh	2.528.326.542	2.231.835.584
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng BMT	1.705.307.376	1.554.007.404
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn IMC	1.812.314.291	2.035.781.187
Công ty TNHH Xây dựng công trình Hùng Vương	7.162.576.500	-
Các khách hàng khác	6.189.516.579	6.461.064.921
Cộng	**19.850.403.466**	**68.926.038.478**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Nam Khang	-	471.800.000
Công ty TNHH TMDV Siêu thị Co.opmart Biên Hòa	692.967.900	705.000.000
Công ty TNHH Điện Tài Lộc	-	838.160.603
Công ty TNHH MTV Địa Chất Xây Dựng Minh Thái	100.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	106.263.800	311.870.800
Cộng	**899.231.700**	**2.326.831.403**

5. Phải thu khác

5a. *Phải thu ngắn hạn khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.128.000.000	-	2.150.445.000	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, y tế	470.808.669	-	466.188.136	-
Phải thu bảo hiểm thất nghiệp	48.589.994	-	48.181.324	-
Lãi tiền gửi tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai	1.907.308.000	-	1.533.751.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	2.384.167.120	-	2.373.238.356	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	365.257.500	-	310.000.000	-
Cộng	**7.304.131.283**	**-**	**6.881.803.816**	**-**

5b. *Phải thu dài hạn khác*

Khoản ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường các mỏ đá dài hạn. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mỏ Thạnh Phú 1	6.675.535.880	6.652.184.262
Mỏ Tân Cang 1	5.399.209.803	5.237.412.057
Mỏ Thiện Tân 2	7.573.742.612	7.080.829.070
Mỏ Soklu 2	5.554.368.266	5.554.368.266
Mỏ Soklu 5	3.724.300.454	2.968.097.414
Cộng	**28.927.157.015**	**27.492.891.069**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ quá hạn

Công ty không có nợ phải thu quá hạn thanh toán hay không có khả năng thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.626.802.231	-	5.717.899.177	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.554.998.280	-	14.519.086.698	-
Thành phẩm	8.057.586.260	(107.287.613)	15.827.148.185	(1.228.635.469)
Hàng hóa	621.374.369	-	1.297.429.580	-
Cộng	**39.860.761.140**	**(107.287.613)**	**37.361.563.640**	**(1.228.635.469)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.228.635.469	202.222.256
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.026.413.213
Hoàn nhập dự phòng	(1.121.347.856)	-
Số cuối năm	**107.287.613**	**1.228.635.469**

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	62.596.546.035	382.254.757.666	96.369.476.403	3.925.535.757	115.000.000	545.261.315.861
Mua trong năm	-	1.584.308.100	-	-	-	1.584.308.100
Số cuối năm	**62.596.546.035**	**383.839.065.766**	**96.369.476.403**	**3.925.535.757**	**115.000.000**	**546.845.623.961**
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.367.355.079	185.735.966.922	51.499.539.451	3.372.655.544	115.000.000	253.090.516.996
Chờ thanh lý	-	2.902.455.429	1.698.189.050	-	-	4.600.644.479
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	37.338.487.420	315.304.876.874	68.008.122.637	3.695.229.907	115.000.000	424.461.716.838
Khấu hao trong năm	3.142.660.826	17.188.352.857	8.391.424.705	110.576.040	-	28.833.014.428
Số cuối năm	**40.481.148.246**	**332.493.229.731**	**76.399.547.342**	**3.805.805.947**	**115.000.000**	**453.294.731.266**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	25.258.058.615	66.949.880.792	28.361.353.766	230.305.850	-	120.799.599.023
Số cuối năm	**22.115.397.789**	**51.345.836.035**	**19.969.929.061**	**119.729.810**	-	**93.550.892.695**
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	71.078.619	-	-	-	71.078.619

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	474.300.000
Số cuối năm	**474.300.000**
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	373.949.996
Khấu hao trong năm	100.350.004
Số cuối năm	**474.300.000**
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	100.350.004
Số cuối năm	-
Trong đó:	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

10. Chi phí trả trước

10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí cước viễn thông

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù mỏ Thạnh Phú	55.097.981.974	55.250.212.221
Chi phí đền bù mỏ Soklu 2, Soklu 5	6.045.672.621	5.632.683.338
Chi phí đền bù mỏ Tân Cang	70.492.343.291	72.745.899.359
Chi phí bồi thường mỏ Thiện Tân 2	127.995.569.592	114.092.800.464
Chi phí lập đề án, thăm dò, bồi thường đất mỏ đá Đồi Chùa 2	2.279.247.710	2.279.247.710
Chi phí bồi thường thiệt hại môi trường	1.192.020.000	1.341.000.000
Chi phí hỗ trợ kinh phí sửa chữa nứt nhà hộ dân	1.129.541.658	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	37.500.000	86.666.685
Cộng	**264.269.876.846**	**251.428.509.777**

11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế trên 1 năm chưa sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng	3.642.819.708	2.842.877.895
Công ty TNHH Nam Phong	3.762.057.310	4.096.451.040
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Trị	-	13.963.179.122
Công ty TNHH Gia Khánh	-	9.873.420.061
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Duy Long	-	6.938.589.461
Công ty TNHH Rồng Việt	1.014.627.486	784.580.382
Các nhà cung cấp khác	14.531.869.579	14.396.813.496
Cộng	**22.951.374.083**	**52.895.911.457**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Văn Hưng	-	582.841.601
Công ty TNHH MTV Xuân Đào	1.209.477.079	497.212.579
Công ty TNHH MTV Thiện Khiêm	880.045.338	274.920.487
Các khách hàng khác	14.096.862.792	11.905.025.856
Cộng	**16.186.385.209**	**13.260.000.523**

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.425.926.338	-	68.879.040.978	(66.243.378.345)	10.061.588.971	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.998.977.408	-	45.609.484.530	(38.030.687.784)	16.577.774.154	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	312.853.784	3.526.637.401	(3.767.829.486)	-	554.045.869
Thuế tài nguyên	7.247.806.049	-	74.882.928.835	(73.370.622.306)	8.760.112.578	-
Tiền thuê đất	-	-	37.689.563.150	(37.689.563.150)	-	-
Phí bảo vệ môi trường	3.833.349.410	-	38.913.949.507	(38.701.510.035)	4.045.788.882	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	859.183.092	-	28.908.397.658	(29.051.815.468)	715.765.282	-
+ Phí cấp quyền khai thác khoáng sản chính	-	-	*21.237.932.159*	*(21.237.932.159)*	-	-
+ Phí cấp quyền khai thác khoáng sản đi kèm	*859.183.092*	-	*7.620.175.419*	*(7.763.593.229)*	*715.765.282*	-
+ Phí cấp quyền khai thác khoáng sản nước	-	-	*50.290.080*	*(50.290.080)*	-	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	583.666.700	(583.666.700)	-	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Cộng	28.365.242.297	312.853.784	299.002.668.759	(287.448.073.274)	40.161.029.867	554.045.869

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước: 5%
- Sản phẩm khác: 10%

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	227.447.343.369	164.195.335.352
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	600.079.283	2.642.625.634
Thu nhập chịu/tính thuế	228.047.422.652	166.837.960.986
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**45.609.484.530**	**33.367.592.197**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên
Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên với đơn giá tính thuế và thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m^3)	Thuế suất
- Đất san lấp	60.000	7%
- Đất phún sỏi	65.000	7%
- Đất gạch	150.000	15%
- Nước sinh hoạt	4.000	3%
- Nước sản xuất	7.000	8%
- Cát khai thác tuyển rửa trên bờ	272.000	15%
- Đá thành phẩm	Giá bán sản phẩm công nghiệp trừ chi phí chế biến phát sinh giai đoạn từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp (nhưng không được thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định)	10%

Tiền thuê đất
Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế đối với diện tích và đơn giá thuê đất theo quyết định cho thuê đất và hợp đồng cho thuê đất.

Phí bảo vệ môi trường
Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản với đơn giá như sau:

	VND/m^3	VND/tấn
- Đất gạch:	2.200	
- Đất san lấp:	2.200	
- Cát xây dựng:	4.400	
- Đá nguyên liệu:		3.003

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản
Công ty nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ đá xây dựng theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và thông báo của Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động
Quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn
Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa phải trả	598.068.175	395.356.039
Công ty TNHH Xây dựng Đỗ Lý - chi phí nhân công, vật tư, máy thi công phải trả	2.770.281.590	3.357.590.451
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.749.795.500	6.001.287.813
Cộng	**8.118.145.265**	**9.754.234.303**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	31.065.701.283	9.091.892.942	26.189.000	(7.626.570.000)	32.557.213.225
Quỹ phúc lợi	30.191.263.620	9.091.892.942	900.000	(2.247.952.996)	37.036.103.566
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.844.416.147	2.727.567.883	-	(1.844.416.147)	2.727.567.883
Cộng	**63.101.381.050**	**20.911.353.767**	**27.089.000**	**(11.718.939.143)**	**72.320.884.674**

19. Vốn chủ sở hữu
19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	470.000.000.000	21.270.787.461	(1.833.120.000)	21.071.284.636	89.114.305.635	599.623.257.732
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.161.774.000)	-	-	(1.161.774.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	130.827.743.155	130.827.743.155
Trích lập các quỹ	-	-	-	13.082.774.316	(28.127.964.779)	(15.045.190.463)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(70.312.350.000)	(70.312.350.000)
Số dư cuối năm trước	**470.000.000.000**	**21.270.787.461**	**(2.994.894.000)**	**34.154.058.952**	**121.501.734.011**	**643.931.686.424**
Số dư đầu năm nay	470.000.000.000	21.270.787.461	(2.994.894.000)	34.154.058.952	121.501.734.011	643.931.686.424
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(442.890.000)	-	-	(442.890.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	18.183.785.884	(39.095.139.651)	(20.911.353.767)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	181.837.858.839	181.837.858.839
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(93.649.720.000)	(93.649.720.000)
Số dư cuối năm nay	**470.000.000.000**	**21.270.787.461**	**(3.437.784.000)**	**52.337.844.836**	**170.594.733.199**	**710.765.581.496**

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	230.300.000.000	230.300.000.000
Công ty TNHH TM DV SX Hoàng Gia Phát	45.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	45.000.000.000
Các cổ đông khác	194.700.000.000	194.700.000.000
Cộng	**470.000.000.000**	**470.000.000.000**

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.000.000	47.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.000.000	47.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*47.000.000*	*47.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(201.040)	(175.140)
- *Cổ phiếu phổ thông*	*(201.040)*	*(175.140)*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.798.960	46.824.860
- *Cổ phiếu phổ thông*	*46.798.960*	*46.824.860*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2019	: 13.082.774.316
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019	: 13.082.774.316
• Thưởng Ban điều hành 2019	: 1.962.416.147
• Chia cổ tức năm 2019	: 93.649.720.000

Trong năm, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2020	: 18.183.785.884
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020	: 18.183.785.884
• Thưởng Ban điều hành 2020	: 2.727.567.883

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	30.156.425.117	6.758.247.690
Trên 1 năm đến 5 năm	86.021.218.836	16.753.224.028
Trên 5 năm	183.293.996.887	26.459.213.266
Cộng	**299.471.640.840**	**49.970.684.984**

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2015 đến năm 2048 và có khả năng được gia hạn thêm.

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng một số khách hàng với số tiền 5.975.381.142 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi (số đầu năm là 6.005.381.142 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán đất, đá	705.801.280.888	704.776.005.384
Doanh thu xây dựng	53.061.706.934	101.040.304.306
Doanh thu bán hàng hóa	307.522.839.097	269.057.473.314
Doanh thu khác	43.771.418.420	56.879.773.742
Cộng	**1.110.157.245.339**	**1.131.753.556.746**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là 758.730.909 VND (năm trước là 880.955.697 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn đất, đá xuất bán	481.115.154.739	516.085.144.236
Giá vốn hoạt động xây dựng	48.327.176.551	98.420.759.683
Giá vốn hàng hóa xuất bán	246.033.037.195	250.208.756.530
Giá vốn khác	42.253.967.685	49.090.561.247
Cộng	**817.729.336.170**	**913.805.221.696**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.417.587.215	13.979.028.214
Lãi tiền ký quỹ bảo vệ môi trường	373.557.000	372.814.000
Cộng	**15.791.144.215**	**14.351.842.214**

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.651.737.725	7.947.881.247
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, đồ dùng	1.233.329.509	1.738.284.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.438.890.840	1.475.848.810
Chi phí vận chuyển, gia công	1.683.663.849	1.080.568.276
Các chi phí khác	11.798.136.920	2.450.327.435
Cộng	**23.805.758.843**	**14.692.909.839**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	32.964.171.277	28.008.822.184
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.053.734.836	1.216.544.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.576.872.680	1.656.383.616
Chi phí sửa chữa thiết bị	14.188.950.592	15.277.469.689
Các chi phí khác	8.219.767.174	8.061.568.520
Cộng	**58.003.496.559**	**54.220.788.037**

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán vật tư	21.599.207	-
Thu nhập từ bán phế liệu	368.669.404	1.007.927.372
Thừa kiểm kê	580.024.868	407.513.393
Thu nhập khác	146.935.420	173.996.514
Cộng	**1.117.228.899**	**1.589.437.279**

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	536.889.014
Thanh lý vật tư, vật liệu	21.599.207	-
Chi phí thẩm định giá, bán đấu giá tài sản cố định	34.977.273	-
Chi phí khác	23.107.032	243.692.301
Cộng	**79.683.512**	**780.581.315**

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	181.837.858.839	130.827.743.155
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(18.183.785.884)	(13.082.774.316)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	(2.727.567.883)	(1.962.416.147)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	160.926.505.072	115.782.552.692
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	46.813.325	46.862.222
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**3.438**	**2.471**

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	217.373.894.797	155.012.890.370
Chi phí nhân công	127.355.577.960	92.609.128.418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.933.364.432	38.594.696.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.945.893.900	223.253.134.126
Chi phí khác	262.678.387.099	166.945.192.357
Cộng	**865.287.118.188**	**676.415.041.674**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Lương và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 5.000.386.957 VND (năm trước là 5.496.228.571 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là Công ty chiếm 49% vốn cổ phần trong Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh với Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch trả cổ tức cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai với số tiền là với số tiền là 46.060.000.000 VND (năm trước là 34.545.000.000 VND).

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Khoản công nợ phải thu Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho nợ phải thu Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

2. Thông tin về bộ phận
Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu khai thác đá vật liệu xây dựng (chiếm trên 85% tổng doanh thu), doanh thu hoạt động xây dựng công trình Golf Long Thành và đường N23 là không thường xuyên (chiếm 4,78%) và toàn bộ sản phẩm được tiêu thụ tại Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính
Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng
Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng
Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng
Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống.

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3c. Rủi ro thị trường
Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo
Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính
Tài sản tài chính
Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	321.457.500.938	-	209.866.580.066	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	120.000.000.000	-	92.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	19.850.403.466	-	68.926.038.478	-
Các khoản phải thu khác	33.583.889.635	-	31.709.880.425	-
Cộng	**494.891.794.039**	**-**	**402.502.498.969**	**-**

Nợ phải trả tài chính
Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	22.951.374.083	52.895.911.457
Các khoản phải trả khác	7.610.077.090	9.448.878.264
Cộng	**30.561.451.173**	**62.344.789.721**

Giá trị hợp lý
Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày năm tài chính kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Ngọc Mai Phương	Phạm Quốc Thái	Huỳnh Kim Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Chủ Tịch HĐQT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 3600275107 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Huỳnh Kim Vũ